|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI** | | | |
| **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** | | | |
| *Dùng chung cho các bộ sách hiện hành* | | | |
| Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.  Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. | | | |
| ***Lưu ý:*** Đánh dấu üvào ô ¨ với mỗi nhận định | | | |
| **PHẦN ĐỀ** | | | |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Cho các kim loại Na, Cu tác dụng với nước.** | | |
|  | a. Kim loại Na tan ra, có hiện tượng sủi bọt khí. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Cu tan ra, không có sủi bọt khí. | ¨ | ¨ |
|  | c. Thí nghiệm chứng tỏ Na hoạt động hóa học mạnh hơn Cu. | ¨ | ¨ |
|  | d. Thí nghiệm chứng tỏ Cu hoạt động hóa học mạnh hơn Na. | ¨ | ¨ |
| **2** | **Cho các kim loại Cu, Fe tác dụng với dung dịch HCl.** | | |
|  | a. Kim loại Cu tan ta, có hiện tượng sủi bọt khí. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Fe không tan. | ¨ | ¨ |
|  | c. Thí nghiệm chứng tỏ Cu hoạt động hóa học yếu hơn Fe. | ¨ | ¨ |
|  | d. Thí nghiệm chứng tỏ Fe hoạt động hóa học yếu hơn Cu. | ¨ | ¨ |
| **3** | **Cho dây kim loại Cu vào dung dịch AgNO3** | | |
|  | a. Kim loại Cu tan ta, dung dịch chuyển sang màu vàng. | ¨ | ¨ |
|  | b. Có lớp chất rắn bám bên ngoài dây Cu, dung dịch từ không màu chuyển sang màu xanh. | ¨ | ¨ |
|  | c. Thí nghiệm chứng tỏ Cu hoạt động hóa học mạnh hơn Ag. | ¨ | ¨ |
|  | d. Trong dãy hoạt động hóa học, Cu đứng sau Ag. | ¨ | ¨ |
| **4** | **Dãy hoạt động hóa học của kim loại cho biết mức độ hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Kim loại Na hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Fe. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Mg hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Al. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại Cu hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Fe. | ¨ | ¨ |
|  | d. Kim loại Fe hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Ag. | ¨ | ¨ |
| **5** | **Dãy hoạt động hóa học của kim loại cho biết mức độ hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Kim loại Al hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Zn. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Ag hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Fe. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại Cu hoạt động hóa học yếu hơn kim loại Fe. | ¨ | ¨ |
|  | d. Kim loại Zn hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Mg. | ¨ | ¨ |
| **6** | **Cho các kim loại Na, K, Mg, Zn lần lượt tác dụng với nước.** | | |
|  | a. Kim loại Na, K phản ứng mãnh liệt với nước ngay điều kiện thường. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Mg, Zn phản ứng với hơi nước khi đun nóng. | ¨ | ¨ |
|  | c. Để bảo quản kim loại Na, K người ta ngâm trong dầu hỏa. | ¨ | ¨ |
|  | d. Dung dịch tạo thành khi cho Na, K tác dụng với nước làm quì tím chuyển sang đỏ. | ¨ | ¨ |
| **7** | **Cho các kim loại: Na, Mg, Ag, Cu, Fe, Al.** | | |
|  | a. Thứ tự giảm dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là Na, Mg, Al, Fe, Ag, Cu. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Na có thể đẩy Mg ra khỏi dung dịch muối. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại Fe có thể đẩy Cu ra khỏi muối. | ¨ | ¨ |
|  | d. Có 2 kim loại không tác dụng với dung dịch HCl. | ¨ | ¨ |
| **8** | **Cho các kim loại: K, Ag, Mg, Zn, Au.** | | |
|  | a. Thứ tự giảm dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là K, Mg, Zn, Ag, Au. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại K tác dụng được với dung dịch ZnCl2. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại Mg tác dụng được với dung dịch ZnSO4. | ¨ | ¨ |
|  | d. Có 3 kim loại tác dụng được với dung dịch HCl. | ¨ | ¨ |
| **9** | **Cho các kim loại: K, Fe, Zn, Ag, Al** | | |
|  | a. Chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là Ag, Fe, Zn, Al, K. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại tác dụng mạnh với nước ở điều kiện thường là K. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng gồm Fe, Zn, Al. | ¨ | ¨ |
|  | d. Có 3 kim loại tác dụng được với dung dịch FeCl2. | ¨ | ¨ |
| **10** | **Cho các kim loại: Na, Cu, Ag, Mg, Al.** | | |
|  | a. Chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là Al, Cu, Ag, Mg, Na. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại Na tác dụng mạnh với nước ở điều kiện thường còn kim loại Mg tác dụng với hơi nước khi đun nóng. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng gồm Na, Mg, Al. | ¨ | ¨ |
|  | d. Có 2 kim loại tác dụng được với dung dịch CuCl2. | ¨ | ¨ |
| **11** | **Dựa vào dãy hoạt động hóa học của kim loại ta có thể dự đoán được khả năng phản ứng của kim loại với các chất.** | | |
|  | a. Sắt tác dụng được với dung dịch muối copper(II) sulfate. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sắt không tác dụng được với dung dịch muối copper(II) nitrate. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kẽm tác dụng được với dung dịch muối silver nitrate. | ¨ | ¨ |
|  | d. Bạc tác dụng được với dung dịch hydrochloric acid. | ¨ | ¨ |
| **12** | **Thí nghiệm về dãy hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Sắt đẩy đồng ra khỏi dung dịch muối CuSO₄. | ¨ | ¨ |
|  | b. Đồng không thể đẩy sắt ra khỏi dung dịch muối FeSO₄. | ¨ | ¨ |
|  | c. Dây đồng không phản ứng với dung dịch CuSO₄. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sắt hoạt động hóa học mạnh hơn đồng. | ¨ | ¨ |
| **13** | **Thí nghiệm về phản ứng của kim loại với dung dịch muối.** | | |
|  | a. Đồng phản ứng với dung dịch AgNO₃ tạo ra bạc. | ¨ | ¨ |
|  | b. Bạc không phản ứng với dung dịch CuSO₄. | ¨ | ¨ |
|  | c. Đồng không thể đẩy bạc ra khỏi dung dịch muối AgNO₃. | ¨ | ¨ |
|  | d. Đồng hoạt động hóa học mạnh hơn bạc. | ¨ | ¨ |
| **14** | **Phản ứng của kim loại với dung dịch acid.** | | |
|  | a. Sắt phản ứng với dung dịch HCl giải phóng khí hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | b. Đồng không phản ứng với dung dịch HCl. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sắt không thể đẩy hydrogen ra khỏi dung dịch acid. | ¨ | ¨ |
|  | d. Đồng hoạt động hóa học mạnh hơn hydrogen. | ¨ | ¨ |
| **15** | **Phản ứng của kim loại với nước.** | | |
|  | a. Sodium phản ứng mạnh với nước tạo thành dung dịch kiềm và khí hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sắt không phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sodium không thể đẩy sắt ra khỏi dung dịch muối của nó. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sodium hoạt động hóa học mạnh hơn sắt. | ¨ | ¨ |
| **16** | **Ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Mức độ hoạt động hóa học của kim loại giảm dần từ trái sang phải trong dãy. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại đứng trước Mg phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại đứng trước H tác dụng được với dung dịch acid giải phóng khí hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | d. Kim loại đứng sau H có thể đẩy kim loại đứng trước ra khỏi dung dịch muối. | ¨ | ¨ |
| **17** | **Phản ứng của kim loại với dung dịch muối.** | | |
|  | a. Đồng có thể đẩy bạc ra khỏi dung dịch muối AgNO₃. | ¨ | ¨ |
|  | b. Bạc không thể đẩy đồng ra khỏi dung dịch CuSO₄. | ¨ | ¨ |
|  | c. Phản ứng giữa đồng và AgNO₃ tạo ra bạc kim loại. | ¨ | ¨ |
|  | d. Đồng hoạt động hóa học mạnh hơn bạc. | ¨ | ¨ |
| **18** | **Thí nghiệm về phản ứng của kim loại với dung dịch acid.** | | |
|  | a. Sắt phản ứng với dung dịch HCl giải phóng khí hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | b. Đồng không phản ứng với dung dịch HCl. | ¨ | ¨ |
|  | c. Sắt không thể đẩy hydrogen ra khỏi dung dịch acid. | ¨ | ¨ |
|  | d. Sắt hoạt động hóa học mạnh hơn đồng. | ¨ | ¨ |
| **19** | **Phản ứng của kim loại với nước.** | | |
|  | a. Sodium phản ứng mạnh với nước tạo thành dung dịch kiềm và khí hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | b. Sắt không phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Phản ứng của sodium với nước tạo ra khí hydrogen và dung dịch kiềm. | ¨ | ¨ |
|  | d. Natri hoạt động hóa học mạnh hơn sắt. | ¨ | ¨ |
| **20** | **Dãy hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Mức độ hoạt động hóa học của kim loại tăng dần từ trái sang phải trong dãy. | ¨ | ¨ |
|  | b. Kim loại đứng trước Mg phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | ¨ | ¨ |
|  | c. Kim loại đứng trước H thì không tác dụng được với dung dịch acid giải phóng khí hydrogen. | ¨ | ¨ |
|  | d. Kim loại đứng trước H có thể đẩy kim loại đứng sau ra khỏi dung dịch muối. | ¨ | ¨ |
| **PHẦN ĐÁP ÁN** | | | |
| **Câu** | **Nội dung** | **Đúng** | **Sai** |
| **1** | **Cho các kim loại Na, Cu tác dụng với nước.** | | |
|  | a. Kim loại Na tan ra, có hiện tượng sủi bọt khí. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại Cu tan ra, không có sủi bọt khí. | ¨ | þ |
|  | c. Thí nghiệm chứng tỏ Na hoạt động hóa học mạnh hơn Cu. | þ | ¨ |
|  | d. Thí nghiệm chứng tỏ Cu hoạt động hóa học mạnh hơn Na. | ¨ | þ |
| **2** | **Cho các kim loại Cu, Fe tác dụng với dung dịch HCl.** | | |
|  | a. Kim loại Cu tan ta, có hiện tượng sủi bọt khí. | ¨ | þ |
|  | b. Kim loại Fe không tan. | ¨ | þ |
|  | c. Thí nghiệm chứng tỏ Cu hoạt động hóa học yếu hơn Fe. | þ | ¨ |
|  | d. Thí nghiệm chứng tỏ Fe hoạt động hóa học yếu hơn Cu. | ¨ | þ |
| **3** | **Cho dây kim loại Cu vào dung dịch AgNO3** | | |
|  | a. Kim loại Cu tan ta, dung dịch chuyển sang màu vàng. | ¨ | þ |
|  | b. Có lớp chất rắn bám bên ngoài dây Cu, dung dịch từ không màu chuyển sang màu xanh. | þ | ¨ |
|  | c. Thí nghiệm chứng tỏ Cu hoạt động hóa học mạnh hơn Ag. | þ | ¨ |
|  | d. Trong dãy hoạt động hóa học, Cu đứng sau Ag. | ¨ | þ |
| **4** | **Dãy hoạt động hóa học của kim loại cho biết mức độ hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Kim loại Na hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Fe. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại Mg hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Al. | þ | ¨ |
|  | c. Kim loại Cu hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Fe. | ¨ | þ |
|  | d. Kim loại Fe hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Ag. | þ | ¨ |
| **5** | **Dãy hoạt động hóa học của kim loại cho biết mức độ hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Kim loại Al hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Zn. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại Ag hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Fe. | ¨ | þ |
|  | c. Kim loại Cu hoạt động hóa học yếu hơn kim loại Fe. | þ | ¨ |
|  | d. Kim loại Zn hoạt động hóa học mạnh hơn kim loại Mg. | ¨ | þ |
| **6** | **Cho các kim loại Na, K, Mg, Zn lần lượt tác dụng với nước.** | | |
|  | a. Kim loại Na, K phản ứng mãnh liệt với nước ngay điều kiện thường. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại Mg, Zn phản ứng với hơi nước khi đun nóng. | þ | ¨ |
|  | c. Để bảo quản kim loại Na, K người ta ngâm trong dầu hỏa. | þ | ¨ |
|  | d. Dung dịch tạo thành khi cho Na, K tác dụng với nước làm quì tím chuyển sang đỏ. | ¨ | þ |
| **7** | **Cho các kim loại: Na, Mg, Ag, Cu, Fe, Al.** | | |
|  | a. Thứ tự giảm dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là Na, Mg, Al, Fe, Ag, Cu. | ¨ | þ |
|  | b. Kim loại Na có thể đẩy Mg ra khỏi dung dịch muối. | ¨ | þ |
|  | c. Kim loại Fe có thể đẩy Cu ra khỏi muối. | þ | ¨ |
|  | d. Có 2 kim loại không tác dụng với dung dịch HCl. | þ | ¨ |
| **8** | **Cho các kim loại: K, Ag, Mg, Zn, Au.** | | |
|  | a. Thứ tự giảm dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là K, Mg, Zn, Ag, Au. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại K tác dụng được với dung dịch ZnCl2. | þ | ¨ |
|  | c. Kim loại Mg tác dụng được với dung dịch ZnSO4. | þ | ¨ |
|  | d. Có 3 kim loại tác dụng được với dung dịch HCl. | þ | ¨ |
| **9** | **Cho các kim loại: K, Fe, Zn, Ag, Al** | | |
|  | a. Chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là Ag, Fe, Zn, Al, K. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại tác dụng mạnh với nước ở điều kiện thường là K. | þ | ¨ |
|  | c. Kim loại tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng gồm Fe, Zn, Al. | ¨ | þ |
|  | d. Có 3 kim loại tác dụng được với dung dịch FeCl2. | þ | ¨ |
| **10** | **Cho các kim loại: Na, Cu, Ag, Mg, Al.** | | |
|  | a. Chiều tăng dần mức độ hoạt động hóa học của các kim loại là Al, Cu, Ag, Mg, Na. | ¨ | þ |
|  | b. Kim loại Na tác dụng mạnh với nước ở điều kiện thường còn kim loại Mg tác dụng với hơi nước khi đun nóng. | þ | ¨ |
|  | c. Kim loại tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng gồm Na, Mg, Al. | þ | ¨ |
|  | d. Có 2 kim loại tác dụng được với dung dịch CuCl2. | ¨ | þ |
| **11** | **Dựa vào dãy hoạt động hóa học của kim loại ta có thể dự đoán được khả năng phản ứng của kim loại với các chất.** | | |
|  | a. Sắt tác dụng được với dung dịch muối copper(II) sulfate. | þ | ¨ |
|  | b. Sắt không tác dụng được với dung dịch muối copper(II) nitrate. | ¨ | þ |
|  | c. Kẽm tác dụng được với dung dịch muối silver nitrate. | þ | ¨ |
|  | d. Bạc tác dụng được với dung dịch hydrochloric acid. | ¨ | þ |
| **12** | **Thí nghiệm về dãy hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Sắt đẩy đồng ra khỏi dung dịch muối CuSO₄. | þ | ¨ |
|  | b. Đồng không thể đẩy sắt ra khỏi dung dịch muối FeSO₄. | þ | ¨ |
|  | c. Dây đồng không phản ứng với dung dịch CuSO₄. | þ | ¨ |
|  | d. Sắt hoạt động hóa học mạnh hơn đồng. | þ | ¨ |
| **13** | **Thí nghiệm về phản ứng của kim loại với dung dịch muối.** | | |
|  | a. Đồng phản ứng với dung dịch AgNO₃ tạo ra bạc. | þ | ¨ |
|  | b. Bạc không phản ứng với dung dịch CuSO₄. | þ | ¨ |
|  | c. Đồng không thể đẩy bạc ra khỏi dung dịch muối AgNO₃. | ¨ | þ |
|  | d. Đồng hoạt động hóa học mạnh hơn bạc. | þ | ¨ |
| **14** | **Phản ứng của kim loại với dung dịch acid.** | | |
|  | a. Sắt phản ứng với dung dịch HCl giải phóng khí hydrogen. | þ | ¨ |
|  | b. Đồng không phản ứng với dung dịch HCl. | þ | ¨ |
|  | c. Sắt không thể đẩy hydrogen ra khỏi dung dịch acid. | ¨ | þ |
|  | d. Đồng hoạt động hóa học mạnh hơn hydrogen. | ¨ | þ |
| **15** | **Phản ứng của kim loại với nước.** | | |
|  | a. Sodium phản ứng mạnh với nước tạo thành dung dịch kiềm và khí hydrogen. | þ | ¨ |
|  | b. Sắt không phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | þ | ¨ |
|  | c. Sodium không thể đẩy sắt ra khỏi dung dịch muối của nó. | ¨ | þ |
|  | d. Sodium hoạt động hóa học mạnh hơn sắt. | þ | ¨ |
| **16** | **Ý nghĩa của dãy hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Mức độ hoạt động hóa học của kim loại giảm dần từ trái sang phải trong dãy. | þ | ¨ |
|  | b. Kim loại đứng trước Mg phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | þ | ¨ |
|  | c. Kim loại đứng trước H tác dụng được với dung dịch acid giải phóng khí hydrogen. | þ | ¨ |
|  | d. Kim loại đứng sau H có thể đẩy kim loại đứng trước ra khỏi dung dịch muối. | ¨ | þ |
| **17** | **Phản ứng của kim loại với dung dịch muối.** | | |
|  | a. Đồng có thể đẩy bạc ra khỏi dung dịch muối AgNO₃. | þ | ¨ |
|  | b. Bạc không thể đẩy đồng ra khỏi dung dịch CuSO₄. | þ | ¨ |
|  | c. Phản ứng giữa đồng và AgNO₃ tạo ra bạc kim loại. | þ | ¨ |
|  | d. Đồng hoạt động hóa học mạnh hơn bạc. | þ | ¨ |
| **18** | **Thí nghiệm về phản ứng của kim loại với dung dịch acid.** | | |
|  | a. Sắt phản ứng với dung dịch HCl giải phóng khí hydrogen. | þ | ¨ |
|  | b. Đồng không phản ứng với dung dịch HCl. | þ | ¨ |
|  | c. Sắt không thể đẩy hydrogen ra khỏi dung dịch acid. | ¨ | þ |
|  | d. Sắt hoạt động hóa học mạnh hơn đồng. | þ | ¨ |
| **19** | **Phản ứng của kim loại với nước.** | | |
|  | a. Sodium phản ứng mạnh với nước tạo thành dung dịch kiềm và khí hydrogen. | þ | ¨ |
|  | b. Sắt không phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | þ | ¨ |
|  | c. Phản ứng của sodium với nước tạo ra khí hydrogen và dung dịch kiềm. | þ | ¨ |
|  | d. Natri hoạt động hóa học mạnh hơn sắt. | þ | ¨ |
| **20** | **Dãy hoạt động hóa học của kim loại.** | | |
|  | a. Mức độ hoạt động hóa học của kim loại tăng dần từ trái sang phải trong dãy. | ¨ | þ |
|  | b. Kim loại đứng trước Mg phản ứng với nước ở nhiệt độ thường. | þ | ¨ |
|  | c. Kim loại đứng trước H thì không tác dụng được với dung dịch acid giải phóng khí hydrogen. | ¨ | þ |
|  | d. Kim loại đứng trước H có thể đẩy kim loại đứng sau ra khỏi dung dịch muối. | ¨ | þ |